

A. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC**I. Phần trắc nghiệm****1. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại**

- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. - Nêu được ý nghĩa và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.

2. Hình thành phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổtrung đại

- Nêu được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Đông Nam Á về tín ngưỡng và tôn giáo, chữ viết và văn học, kiến trúc và điêu khắc.

3. Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam

- Nêu được cơ sở hình thành của các nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc, văn minh Chăm-pa, văn minh Phù Nam.

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc, văn minh Chăm-pa, văn minh Phù Nam.

4. Văn minh Đại Việt

- Trình bày cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt
- Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.
- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt. **5. Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam** - Nêu được thành phần tộc người theo dân số.
- Trình bày được khái niệm ngữ hệ và phân chia tộc người theo ngữ hệ.
- Trình bày được nét chính về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

6. Khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam

- Nêu được nét chính về sự hình thành khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
- Nêu được vai trò và tầm quan trọng của khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước, giữ nước và trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc hiện nay.
- Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước trong chính sách dân dân. - Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

II. Phần tự luận**1. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại**

- Phân tích tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với xã hội và văn hoá.

- Sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại.

Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.

- Phân biệt được được cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các cuộc cách mạng công nghiệp khác.

- Hiểu được ý nghĩa của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư.

- Đánh giá tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư.

- Bằng kiến thức và liên hệ thực tiễn hãy tuyên truyền về việc tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội.

2. Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại

- Phân biệt các thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á.
- Hiểu được đặc điểm “thống nhất trong đa dạng” của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại.
- Giải thích vì sao có nhiều tôn giáo lớn trên thế giới được truyền bá và phát triển ở các nước Đông Nam Á.
- Xây dựng trục thời gian về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại.
- Lập bảng thống kê về những thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại.
- Đánh giá tác động của văn minh phương Ấn Độ, Trung Hoa đối với văn minh Đông Nam Á.
- Viết đoạn văn giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại mà em ấn tượng nhất.
- Nhận xét về giá trị trường tồn của những thành tựu văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại.
- Biện pháp (hành động) góp phần bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á.

3. Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam

- Phân biệt các thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam.
- Lập bảng hệ thống về cơ sở hình thành các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Cho biết điểm giống và khác nhau về cơ sở hình thành của các nền văn minh cổ.
- Lập bảng thống kê một số thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.
- Phân tích ý nghĩa của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam trong lịch sử dân tộc.
- Viết đoạn văn giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu mà em ấn tượng của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.
- Nhận xét về giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.
- Biện pháp (hành động) góp phần bảo tồn các di sản văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.
- Giải thích lí do Việt Nam lựa chọn phiên bản trống đồng Ngọc Lũ làm quà tặng Liên Hợp Quốc nhân dịp kỉ niệm 50 năm ngày thành lập.
- Vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.

4. Văn minh Đại Việt

- Giải thích khái niệm “Văn minh Đại Việt”.
- Lập bảng thống kê một số thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt.
- Hiểu được văn minh Đại Việt phát triển rất phong phú, đa dạng và mang tính dân tộc sâu sắc.
- Viết đoạn văn giới thiệu về thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt mà em ấn tượng nhất.
- Phân tích cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt.
- Phân tích ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam.
- Nhận xét về một số ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt.
- Chứng minh những thành tựu văn minh Đại Việt là sự kế thừa, phát triển các thành tựu của nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc những ảnh hưởng từ bên ngoài.

- Nêu hành động của mỗi cá nhân để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt trong thời đại ngày nay.
- Vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam.
- Nhận xét về giá trị của văn minh Đại Việt đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam.

5. Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam - Lập sơ đồ về các ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam.

- Lập bảng thể hiện một số nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.
- Suru tầm tư liệu và giới thiệu khái quát về các dân tộc ở địa phương em (Đà Nẵng).
- Vận dụng hiểu biết về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam để giới thiệu nét đẹp, sự đa dạng văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Hành động góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

6. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam

- Trình bày quá trình hình thành và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc trên trục thời gian.
- Hiểu được quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về khối đại đoàn kết dân tộc.

- Lập bảng tóm tắt một số nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước (về kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng).

- Phân tích vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

- Phân tích vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Phân tích nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

- Ý thức và hành động cá nhân góp phần gìn giữ sự bình đẳng giữa các dân tộc; giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

- Thông qua các kênh thông tin hoặc quan sát thực tế ở địa phương, hãy kể tên một số chương trình thể hiện những nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

- Nhận xét về sự hình thành và phát triển khối đại đoàn kết trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

B. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II LỚP 10

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết (NB)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại	1			1**	
2	Văn minh Đông Nam Á	Hình thành và phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì	2	1		1**	

		<i>cổ-trung đại</i>					
3	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (Trước năm 1858)	<i>Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam</i>	4	1	1*	1**	
		<i>Văn minh Đại Việt</i>	5	1	1*	1**	
4	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	<i>Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam</i>	2	1	1*	1**	
		<i>Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</i>	2	1	1*	1**	
Tổng			16	1	1*	1**	
Tỉ lệ %			40	30	20	10	100%

C. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Câu 1. Thành tựu nào của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được ứng dụng xây các tòa nhà giúp giảm nhân lực và tạo ra ít rác thải?

- A. Công nghệ in 3D. B. Công nghệ sinh học.
C. Công nghệ gen. D. Công nghệ na-nô.

Câu 2. Những thành tựu nào sau đây ra đời trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

- A. Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data).
B. Máy tính, internet, vệ tinh nhân tạo.
C. Rô-bốt, internet, trí tuệ nhân tạo (AI).
D. Internet, vệ tinh nhân tạo, điện toán đám mây.

Câu 3. Những ứng dụng của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại giúp cho việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức

- A. sản xuất và quản lí. B. hợp tác và cạnh tranh.
C. liên kết công nghiệp. D. thu hút đầu tư.

Câu 4. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư tác động tiêu cực đến xã hội, khiến nhiều người lao động đối diện với nguy cơ nào sau đây?

- A. Mất việc làm. B. Xuất khẩu lao động.
C. Làm việc nặng nhọc. D. Làm việc không an toàn.

Câu 5. Kho dữ liệu khổng lồ rất quan trọng trong sự phát triển của công nghệ trong thời đại 4.0 đó là gì?

- A. Cloud. B. AI. C. In 3D. D. Big Data.

Câu 6. Những tôn giáo nào được truyền bá từ Ấn Độ vào khu vực Đông Nam Á?

- A. Phật giáo, Hindu. B. Hindu, Công giáo.
C. Phật giáo, Công giáo. D. Hồi giáo, Công giáo.

Câu 7. Một trong những hình thức tín ngưỡng bản địa của cư dân Đông Nam Á là gì?

- A. Thờ cúng tổ tiên. B. Thờ Phật Thích ca,
C. Thờ Thần Si-va. D. Thờ Chúa trời.

- Câu 8.** Tác phẩm văn học xuất sắc nào của Cam-pu-chia còn được lưu giữ đến ngày nay?
A. Riêm Kê. **B.** Truyện Kiều. **C.** Đam Săn. **D.** Pun-hơ Nhan-hơ.
- Câu 9.** Trước khi sáng tạo chữ viết riêng, các nước Đông Nam Á sử dụng chữ viết cổ của những quốc gia nào sau đây?
A. Ai Cập và Lưỡng Hà. **B.** Ấn Độ và Trung Quốc.
C. A-rập và Ấn Độ. **D.** Hy Lạp và La Mã.
- Câu 10.** Loại chữ viết nào sau đây được cư dân Đông Nam Á sáng tạo trên cơ sở chữ Hán?
A. Chữ Chăm cổ. **B.** Chữ Khơ-me cổ. **C.** Chữ Miến cổ. **D.** Chữ Nôm.
- Câu 11.** Ăng-co Vát là công trình kiến trúc tiêu biểu của quốc gia nào?
A. Cam-pu-chia. **B.** Thái Lan. **C.** Mi-an-ma. **D.** Ma-lai-xi-a.
- Câu 12.** Khu đền tháp Bô-rô-bu-đua là công trình kiến trúc tiêu biểu của quốc gia nào?
A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Lào. **C.** Mi-an-ma. **D.** Ma-lai-xi-a.
- Câu 13.** Tháp Thất Luồng (Lào) là công trình kiến trúc chịu ảnh hưởng của tôn giáo nào?
A. Hin-đu giáo. **B.** Phật giáo. **C.** Nho giáo. **D.** Hồi giáo.
- Câu 14.** Hồi giáo du nhập vào khu vực Đông Nam Á từ thế kỉ XIII có nguồn gốc từ đâu?
A. Bán đảo Ả Rập. **B.** Nhật Bản. **C.** Trung Quốc. **D.** Địa Trung Hải.
- Câu 15.** Sau khi chữ viết ra đời cư dân Đông Nam Á đã tạo dựng nền văn học nào sau đây?
A. Văn học dân gian. **B.** Văn học chữ Hán. **C.** Văn học viết. **D.** Văn học chữ Phạn.
- Câu 16.** Thời cổ - trung đại, Hin-đu giáo du nhập vào Đông Nam Á là tôn giáo có nguồn gốc từ đâu?
A. Trung Quốc. **B.** Phương Tây. **C.** Ấn Độ. **D.** Ả Rập.
- Câu 17.** Trước khi sáng tạo ra chữ viết riêng, một số cư dân Đông Nam Á sử dụng chữ viết nào sau đây?
A. Chữ viết cổ của Ấn Độ. **B.** Chữ Chăm cổ.
C. Chữ Khơ-me cổ. **D.** Chữ Nôm.
- Câu 18.** Nghệ thuật kiến trúc của cư dân Đông Nam Á chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hoá nào sau đây?
A. Trung Quốc. **B.** Ấn Độ. **C.** Phương Tây. **D.** Nhật Bản.
- Câu 19.** Truyện Kiều của Nguyễn Du là tác phẩm được sáng tác và ghi lại bằng loại chữ nào?
A. Chữ Hán. **B.** Chữ Nôm. **C.** Chữ Phạn. **D.** Chữ Quốc ngữ.
- Câu 20.** Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là văn minh nào sau đây?
A. Sông Hồng. **B.** Phù Nam. **C.** Sa Huỳnh. **D.** Trống đồng.
- Câu 21.** Địa bàn chủ yếu của nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?
A. Khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ.
B. Khu vực Trung bộ ngày nay.
C. Khu vực Nam bộ ngày nay.
D. Cư trú rải rác trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- Câu 22.** Ngành kinh tế chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?
A. Săn bắn, hái lượm. **B.** Nông nghiệp lúa nước.
C. Thương nghiệp. **D.** Thủ công nghiệp.
- Câu 23.** Địa bàn chủ yếu của nền văn minh Chăm-pa cổ thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?
A. Bắc bộ và Bắc Trung bộ. **B.** Trung và Nam Trung bộ.
C. Khu vực Nam bộ. **D.** Cư trú rải rác trên khắp cả nước.
- Câu 24.** Nền văn minh Chăm-pa được hình thành và phát triển dựa trên nền văn hóa nào sau đây? **A.** Văn hóa Đồng Nai. **B.** Văn hóa Đông Sơn.
A. Văn hóa Sa Huỳnh. **B.** Văn hóa Óc Eo.
- Câu 25.** Trước khi tiếp nhận nền văn hóa từ bên ngoài, cư dân Chăm-pa tín có ngưỡng bản địa nào sau đây?
A. Các lễ hội truyền thống theo nghi thức Hồi giáo.

- B. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ vạn vật.
- C. Nghệ thuật xây dựng các khu đền, tháp.
- D. Phát triển kinh tế nông nghiệp lúa nước.

Câu 26. Nền văn minh Phù Nam được hình thành và phát triển dựa trên nền văn hóa nào sau đây ?

- A. Đồng Đậu, Gò Mun.
- B. Sa Huỳnh.
- C. Đông Sơn.
- D. Tiền Óc Eo

Câu 27. Địa bàn chủ yếu của nền văn minh Phù Nam thuộc khu vực nào trên đất nước Việt Nam ngày nay?

- A. Bắc bộ và Bắc Trung bộ.
- B. Khu vực Nam bộ.
- C. Đồng bằng Sông Hồng.
- D. Trung bộ và Nam bộ.

Câu 28. Công trình nào sau đây là thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm -pa?

- A. Thành Cổ Loa.
- B. Tháp Bà Pô Na-ga.
- C. Cảng thị Óc Eo.
- D. Tháp Phổ Minh.

Câu 29. Loại hình tôn giáo nào xuất hiện trong đời sống tâm linh của cư dân Phù Nam?

- A. Hồi giáo và Hin-đu.
- B. Công giáo và Hồi giáo.
- C. Nho giáo và Phật giáo.
- D. Hin-đu giáo và Phật giáo.

Câu 30. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân cổ Phù Nam là gì?

- A. Nông nghiệp.
- B. Buôn bán.
- C. Thủ công nghiệp.
- D. Chăn nuôi, trồng trọt.

Câu 31. “Tam giáo đồng nguyên” là sự kết hợp hài hoà giữa các tư tưởng và tôn giáo nào sau đây?

- A. Nho giáo – Phật giáo – Đạo giáo.
- B. Nho giáo – Phật giáo – Công giáo.
- C. Phật giáo – Ấn Độ giáo - Công giáo.
- D. Phật giáo – Bà La Môn giáo - Nho giáo.

Câu 32. Thể chế chính trị quân chủ trung ương tập quyền ở Việt Nam đạt đến đỉnh cao thời nào sau đây?

- A. Đinh – Tiền Lê.
- B. Lý.
- C. Trần.
- D. Lê sơ.

Câu 33. Thiết chế chính trị thời Lý – Trần có đặc trưng nào sau đây?

- A. Tập quyền thân dân.
- B. Quan liêu.
- C. Chuyên chế.
- D. Phân quyền.

Câu 34. Để khuyến khích nghề nông phát triển, các Hoàng đế Việt Nam thường thực hiện nghi lễ nào sau đây?

- A. Lễ cúng cơm.
- B. Lễ cầu mùa.
- C. Lễ Tịch điền.
- D. Lễ đâm trâu.

Câu 35. Chữ Quốc ngữ ra đời xuất phát từ nhu cầu nào sau đây?

- A. Truyền đạo.
- B. Giáo dục.
- C. Sáng tác văn học.
- D. Sử dụng trong cung đình.

Câu 36. Tên bộ luật thành văn đầu tiên của văn minh Đại Việt là

- A. Hình Luật.
- B. Hình thư.
- C. Quốc triều hình luật.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 37. Bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền hoàn chỉnh dưới triều đại nào?

- A. Nhà Lê sơ.
- B. Nhà Lý.
- C. Nhà Trần.
- D. Nhà Hồ.

Câu 38. Dựa trên cơ sở chữ Hán, người Việt đã sáng tạo ra loại chữ viết nào?

- A. Chữ Quốc ngữ.
- B. Chữ Hán Việt.
- C. Chữ La-tinh.
- D. Chữ Nôm.

Câu 39. Một trong những đặc trưng nổi bật của văn minh Đại Việt thời Mạc là

- A. kinh tế hướng ngoại.
- B. kinh tế hướng nội.
- C. độc tôn Nho giáo.
- D. tính thống nhất.

Câu 40. Cục Bách tác là tên gọi của

- A. Các xưởng thủ công của nhà nước.
- B. cơ quan quản lý việc đắp đê.
- B. các đồn điền sản xuất nông nghiệp.
- C. cơ quan biên soạn lịch sử.

Câu 41. Các bia đá dựng ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) thể hiện chính sách nào của vương triều Lê sơ?

- A. Coi trọng nghề thủ công chạm khắc.
- B. Quan tâm đến biên soạn sử.
- C. Phát triển văn hoá dân gian.
- D. Đề cao giáo dục, khoa cử.

Câu 42. Khái niệm “dân tộc Việt Nam” thuộc nghĩa khái niệm nào?

- A. Dân tộc – tộc người.
- B. Dân tộc –quốc gia.
- C. Dân tộc đa số.
- D. Dân tộc thiểu số.

- Câu 43.** Các dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số cả nước được coi là
 A. Dân tộc – tộc người. B. Dân tộc – quốc gia.
 C. Dân tộc đa số. D. Dân tộc thiểu số.
- Câu 44.** 54 dân tộc ở Việt Nam được phân chia thành bao nhiêu ngữ hệ?
 A. 54 ngữ hệ. B. 5 ngữ hệ. C. 8 ngữ hệ. D. 10 ngữ hệ.
- Câu 45.** Nhà ở truyền thống của người Kinh là loại nhà nào?
 A. Nhà trệt xây bằng gạch hoặc đắp bằng đất. B. Nhà nửa sàn, nửa trệt.
 C. Nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa. D. Nhà nhiều tầng.
- Câu 46.** Căn cứ vào tiêu chí nào để phân chia các dân tộc – tộc người ở Việt Nam?
 A. Theo dân số và địa bàn phân bố. B. Theo ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ.
 C. Theo ngữ hệ và địa bàn phân bố. D. Theo dân số và ngữ hệ.
- Câu 47.** Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành từ bao giờ?
 A. Từ thời kì đầu dựng nước Văn Lang – Âu Lạc.
 B. Trong cuộc đấu tranh hàng nghìn năm chống phong kiến phương Bắc.
 C. Trong kỉ nguyên phong kiến độc lập, từ thời Đinh đến thời Nguyễn.
 D. Trong đấu tranh chống thực dân, đế quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Câu 48.** Dưới sự lãnh đạo của của Đảng Cộng sản Việt Nam, khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam phát triển đến đỉnh cao thông qua tổ chức nào?
 A. Đảng Cộng sản Việt Nam. B. Quốc hội do nhân dân bầu ra.
 C. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. D. Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam.
- Câu 49.** Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là
 A. đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.
 B. sách lược quan trọng vận dụng trong bối cảnh cụ thể.
 C. yếu tố góp phần vào sự thành công của cách mạng.
 D. công việc cần phải quan tâm chú ý.
- Câu 50.** Đặc điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay là gì?
 A. Tính tổng thể. B. Tính toàn diện. C. Có trọng điểm. D. Tính hài hoà.
- Câu 51.** Nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?
 A. Đoàn kết, đoàn kết, đoàn kết toàn diện.
 B. Đoàn kết, tương trợ cùng nhau phát triển.
 C. Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ cùng nhau phát triển.
 D. Nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	A	A	A	D	A	A	A	B	D	A	A	B	A	C	C	A
18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
B	B	A	A	B	B		B	D	B	B	D	B	A	D	A	C
35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
A	B	A	D	A	A	D	B	C	B	A	D	A	C	A	B	C